

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **56/2022/KDTM-PT**

Ngày: 20/01/2022

V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Nhân

Các Thẩm phán:

Ông Lê Thọ Viên

Bà Trương Thị Thảo

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Kim Oanh

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10, ngày 11 và ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án về kinh doanh thương mại thụ lý số: 44/2021/TLPT-KDTM ngày 21 tháng 6 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2021/KDTM-ST ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3666/2021/QĐXX-PT ngày 11 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 8625/2021/QĐ-PT ngày 05/11/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ G; địa chỉ: 383-385 đường T, phường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Lượng Văn H; địa chỉ: 64 Đường số 25, phường Đ, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh - là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 09/6/2020); có mặt;

Bị đơn: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ P; địa chỉ: 544/12 đường Q, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ P; địa chỉ: 154/9C đường C, Phường D, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Vương Xuân K – là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 19/01/2022); có mặt;

Người kháng cáo: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 17/05/2018, Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ G (Công ty G) đã ký kết với Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ P (nay là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ P) (gọi tắt là Công ty P) Hợp đồng Thương nhân phân phối xăng dầu số 11/HĐXD-TNPP-2018. Ngày 29/07/2019 hai bên ký kết Phụ lục hợp đồng để bổ sung thêm điều khoản thanh toán nợ.

Theo thỏa thuận trong Hợp đồng phân phối xăng dầu và Phụ lục của hợp đồng thì bị đơn sẽ mua xăng dầu và thanh toán theo từng đợt, đồng thời vào ngày 10 dương lịch hàng tháng hai bên sẽ đối chiếu công nợ. Theo thỏa thuận của hai bên thì tổng hạn mức dư nợ không được vượt quá 3.000.000.000 đồng.

Tính đến ngày 01/02/2020, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 3.000.100.000 đồng. Ngày 29/02/2020, người đại diện theo pháp luật của Công ty P là ông Hồ Xuân C đã ký xác nhận số tiền còn nợ Công ty G là: 3.000.100.000 đồng.

Ngày 30/03/2020, Công ty G đã gửi Công văn số 70/2020/CV-CG yêu cầu Công ty P thanh toán tiền mua hàng và tiền lãi chậm trả theo thỏa thuận nhưng bên mua hàng không hồi đáp.

Ngày 19/05/2020, Công ty G đã gửi Công văn lần hai số 123/2020/CV-CG để yêu cầu Công ty P thanh toán tiền mua hàng và tiền lãi chậm trả nhưng không nhận được phản hồi.

Công ty G yêu cầu Công ty P phải thanh toán cho Công ty G số tiền:

- Tiền mua xăng dầu là: 3.000.100.000 đồng (Ba tỷ một trăm ngàn đồng);
- Đối với tiền lãi chậm thanh toán, Công ty G đồng ý theo cách tính của Công ty P tại buổi hòa giải ngày 04/3/2021 là $7.9\%/năm \times 150\%$ tính từ ngày 01/02/2020 cho đến ngày xét xử là $3.000.100.000 \text{ đồng} \times 0,9875\% \times 14 \text{ tháng} \times 28 \text{ ngày} = 442.414.746 \text{ đồng}$;

Tổng cộng, Công ty P phải trả cho Công ty G số tiền gốc và lãi là 3.442.514.746 đồng; trả ngay khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Trong bản tự khai, biên bản hòa giải người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - Công ty P trình bày:

Công ty P xác nhận nội dung trình bày của nguyên đơn là đúng. Vào ngày 17/05/2018, Công ty P đã ký kết với Công ty G Hợp đồng Thương nhân phân phối xăng dầu số 11/HĐXD-TNPP-2018. Ngày 29/07/2019 hai bên ký kết Phụ lục hợp đồng để bổ sung thêm điều khoản thanh toán nợ.

Theo thỏa thuận trong Hợp đồng phân phối xăng dầu và Phụ lục của hợp đồng thì bị đơn sẽ mua xăng dầu và thanh toán theo từng đợt, đồng thời vào

ngày 10 dương lịch hàng tháng hai bên sẽ đối chiếu công nợ. Theo thỏa thuận của hai bên thì tổng hạn mức dư nợ không được vượt quá 3.000.000.000 đồng.

Tính đến ngày 01/02/2020, Công ty P còn nợ nguyên đơn số tiền 3.000.100.000 đồng. Ngày 29/02/2020, người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ P là ông Hồ Xuân C đã ký xác nhận số tiền còn nợ Công ty G là: 3.000.100.000 đồng.

Bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền gốc 3.000.100.000 đồng.

Đối với tiền lãi chậm thanh toán, trong Phụ lục hợp đồng có nêu mức lãi suất quá hạn là 150% mức lãi vay của Ngân hàng Quân đội nhưng lại không xác định cụ thể mức vay của khoản vay nào: Ngắn hạn, trung hạn hay dài hạn. Nay Tòa án đã tiến hành thu thập mức vay của Ngân hàng Quân đội, bị đơn đề nghị tính lãi chậm thanh toán theo mức 7.9%/năm x 150% tính từ ngày 01/02/2020 cho đến khi Tòa án xét xử.

Hiện Công ty P đang gặp nhiều khó khăn nên chưa có phương án trả nợ, bị đơn đề nghị Tòa án xét xử theo quy định pháp luật và đề nghị nguyên đơn tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ gốc và không tính lãi chậm thanh toán.

Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2021/KDTM-ST ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

2. Buộc Công ty P(nay là Công ty P) có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty G số tiền mua hàng 3.000.100.000 đồng và tiền lãi chậm trả 442.414.746 đồng, tổng cộng 3.442.514.746 đồng, trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 30/4/2021, Công ty P(nay là Công ty P) còn phải tiếp tục trả lãi cho Công ty G theo mức lãi suất 0.9875%/tháng cho đến khi thi hành xong việc thanh toán tính trên nợ gốc còn phải trả.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm, ngày 17/5/2021 Công ty P nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do quyết định của bản án sơ thẩm không thỏa đáng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án.

*** Tại phiên tòa Phúc thẩm:**

Đại diện người kháng cáo trình bày căn cứ kháng cáo cụ thể như sau:

- Bản án sơ thẩm tuyên buộc Công ty P trả tiền lãi chậm thanh toán là chưa đúng thỏa thuận giữa các bên lý do:

Công ty P xác nhận còn nợ Công ty G số tiền gốc là 3.000.100.000 đồng nhưng chưa phát sinh nghĩa vụ thanh toán vì theo quy định tại Điều 5.1.2 Hợp đồng thì sau khi nhận được hóa đơn GTGT từ Công ty G thì mới phát sinh nghĩa vụ thanh toán.

Cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất $7,9\% \times 150\% = 0,9875\%/tháng$ từ ngày 01/02/2020 là không có căn cứ pháp luật (không đúng quy định của Điều 306 Luật Thương mại cũng như khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015). Trường hợp này cấp sơ thẩm phải căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 với mức lãi suất 10%/năm, tức 8,3333%/tháng.

- Người đại diện theo ủy quyền của Công ty G tham gia tố tụng vượt quá phạm vi ủy quyền lý do Giấy ủy quyền không hợp pháp vì theo nội dung của giấy ủy quyền thì ông Nguyễn Công T với tư cách cá nhân ủy quyền cho Ông Lương Văn H thì phải được công chứng chứng thực.

Từ những lý do trên, bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử yêu cầu Công ty G điều chỉnh ủy quyền đúng quy định, đồng thời sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu về tiền lãi chậm thanh toán của Công ty G.

Đại diện nguyên đơn trình bày: Các nội dung kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ bởi vì về số tiền nợ gốc là 3.000.100.000 đồng, thời điểm phát sinh nghĩa vụ chậm trả nợ và mức lãi suất nợ quá hạn đã được bị đơn xác nhận tại các biên bản hòa giải tại cấp sơ thẩm. Về hình thức và nội dung của văn bản ủy quyền ngày 09/6/2020 là đúng quy định pháp luật. Bản án sơ thẩm đã tuyên là đúng luật nên nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Xét đơn kháng cáo còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức đúng quy định. Nội dung yêu cầu kháng cáo mà bị đơn trình bày tại phiên tòa là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của phía nguyên đơn và bị đơn, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án là đúng theo quy định của Pháp luật Tố tụng.

[2] Đơn kháng cáo của Công ty P còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức và nội dung đúng quy định nên được chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo về tư cách tham gia tố tụng của đại diện Công ty G:

[3.1] Căn cứ quy định tại Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự thì “1. Người đại diện trong tố tụng dân sự bao gồm người đại diện theo pháp luật và người đại diện theo ủy quyền...4. Người đại diện theo ủy quyền theo quy định của Bộ luật Dân sự là người đại diện theo ủy quyền trong tố tụng dân sự.”, đồng thời Điều 138 Bộ luật Dân sự quy định “ 1. Cá nhân, pháp nhân có thể ủy quyền cho cá nhân, pháp nhân khác xác lập, thực hiện giao dịch dân sự.”

[3.2] Ông Lương Văn H tham gia tố tụng là người đại diện theo ủy quyền của Công ty G theo văn bản ủy quyền ngày 09/6/2020 do người đại diện theo pháp luật của Công ty G ký tên đóng dấu là đúng với các quy định nêu trên nên kháng cáo của Công ty P về tư cách tố tụng của người đại diện Công ty G là không có cơ sở.

[4] Xét kháng cáo của Công ty P về thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả lãi và mức lãi suất chậm trả:

[4.1] Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của các đương sự có cơ sở để xác định: Công ty G và Công ty P (nay là Công ty P) ký kết Hợp đồng phân phối xăng dầu số 11/HĐXD-TNPP-2018 ngày 17/5/2018 và Phụ lục hợp đồng ngày 29/7/2019. Hợp đồng và phụ lục có hình thức và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật nên phát sinh hiệu lực. Quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 29/02/2020, hai bên lập biên bản đối chiếu công nợ tháng 02 năm 2020 với tổng số tiền 3.000.100.000 đồng. Những nội dung này đã được người đại diện hợp pháp của Công ty G và Công ty P xác nhận nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4.2] Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện ủy quyền mới của Công ty P lập luận rằng Công ty G chưa chứng minh được đã xuất hóa đơn cho khoản tiền nợ 3.000.100.000 đồng nên Công ty P chưa phát sinh nghĩa vụ thanh toán đối với khoản tiền này. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng theo biên bản đối chiếu công nợ tháng 02 năm 2020 thể hiện thì đây là khoản nợ cộng dồn của nhiều kỳ thanh toán mà phía Công ty P chưa thanh toán đầy đủ, thành tổng số tiền 3.000.100.000 đồng và người đại diện theo pháp luật của Công ty P đã ký xác nhận đối chiếu công nợ là việc xác nhận lại nghĩa vụ thanh toán, điều này cũng phù hợp với thỏa thuận mà hai bên đã giao kết trong hợp đồng là “tổng hạn mức dư nợ không được vượt quá 3.000.000.000 đồng”. Ngoài ra, trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, phía người đại diện của Công ty P cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì về việc Công ty G phải xuất hóa đơn liên quan đến khoản tiền này. Do vậy, lập luận này của người đại diện Công ty P là không có cơ sở.

[4.3] Tại biên bản hòa giải ngày 04/03/2021, người đại diện hợp pháp của Công ty G và Công ty P đã thống nhất xác định nợ gốc là 3.000.100.000 đồng và thời gian tính lãi chậm thanh toán từ ngày 01/02/2020. Đồng thời, phía Công ty P cũng đề nghị tính lãi suất chậm thanh toán căn cứ vào thông báo của Ngân hàng TMCP Quân Đội là 7,9%/năm x 150%. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của Công ty G buộc Công ty P phải thanh toán số

tiền nợ gốc là 3.000.100.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/02/2020 đến ngày xét xử (3.000.100.000 đồng x 0,9875% x 14 tháng 28 ngày) = 442.414.746 đồng là đúng thỏa thuận của các bên khi giao kết hợp đồng và phù hợp quy định của pháp luật.

[4.4] Do vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo về thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả lãi và mức lãi suất chậm trả của Công ty P. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty P, giữ nguyên bản án sơ thẩm:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc Công ty P (nay là Công ty P) có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty G số tiền mua hàng là 3.000.100.000 đồng (ba tỷ một trăm nghìn đồng) và tiền lãi chậm trả 442.414.746 đồng (bốn trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm mười bốn nghìn bảy trăm bốn mươi sáu đồng); tổng cộng 3.442.514.746 đồng (ba tỷ bốn trăm bốn mươi hai triệu năm trăm mười bốn nghìn bảy trăm bốn mươi sáu đồng); trả ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 30/4/2021, Công ty P (nay là Công ty P) còn phải tiếp tục trả lãi cho Công ty G theo mức lãi suất 0.9875%/tháng cho đến khi thi hành xong việc thanh toán tính trên nợ gốc còn phải trả.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty P (nay là Công ty P) phải chịu án phí 100.850.295 đồng (một trăm triệu tám trăm năm mươi nghìn hai trăm chín mươi lăm);

- Hoàn lại cho Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ G số tiền tạm ứng án phí đã nộp 48.516.000 đồng (bốn mươi tám triệu năm trăm mười sáu nghìn) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0015651 ngày 26/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án phí phúc thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại:

Công ty P (nay là Công ty P) phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng (hai triệu) được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0052952 ngày 20/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Q.11;
- Chi cục THADS Q.11;
- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh
- Các đương sự; Lưu Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thanh Nhân